

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DSST
Ngày: 25-02-2022
V/v TrAh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Khoa

2. Ông Võ Chí ThAh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long A tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1955;

Địa chỉ : Số 80/2B9 đường Tân Hòa Đông, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị A, sinh năm 1965 ;

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện Đ, tỉnh Long A.

(Nguyên đơn ông T, bị đơn bà A có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn T và trong các bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Trong năm 2019, ông T có cho bà A vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, khi vay có lần có viết giấy nợ, có lần không có viết giấy nợ. Ông T không nhớ cụ thể ngày tháng năm cho vay, số tiền mỗi lần

vay. Hợp đồng vay không ghi lãi suất nhưng các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, mỗi lần vay bà A hẹn 01 tháng sẽ trả, nhưng bà A không trả. Đến ngày 28/10/2019, sau khi ông T tính toán lại thì bà A còn nợ ông T số tiền 180.000.000 đồng, ông có thông báo cho bà A biết và bà A cũng thừa nhận còn nợ số tiền này nên giữa ông T và bà A thống nhất viết giấy kết nợ ghi tên Giấy nhận tiền kiêm vay tiền ngày 28/10/2019. Nội dung thỏa thuận trong Giấy nhận tiền kiêm vay tiền ngày 28/10/2019 là bà A thừa nhận còn nợ ông T số tiền 180.000.000 đồng và cam kết đến cuối tháng giêng năm 2020, bà A sẽ trả cho ông T số tiền là 70.000.000 đồng, còn lại số tiền 110.000.000 đồng, bà A sẽ trả mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Phần bà A cam kết là do bà A tự cam kết chứ ông T không có ký tên đồng ý nội dung cam kết. Ngày viết giấy nợ kiêm hợp đồng vay tiền là ngày 28/10/2019 nhưng bà A lại cam kết ghi ngày 20/10/2019 (âm lịch), ngày giấy nợ là dương lịch, việc bà A cam kết ghi ngày âm lịch là do bà A tự ghi ông T không biết, có thể là bà A nhầm lẫn ngày tháng nên mới ghi ngày 20/10/2019 âm lịch. Chữ viết trong tờ Giấy nhận tiền kiêm vay tiền, mặt trước là ông T viết, mặt sau là bà A viết. Mặc dù, ông T không đồng ý cam kết của bà A nhưng lời tự cam kết của bà A, bà A cũng không thực hiện, tính đến thời điểm ông T khởi kiện đến Tòa án thì bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là toàn bộ số tiền 180.000.000 đồng và chưa trả cho ông T khoản tiền nào. Ông T đã nhiều lần liên hệ với bà A trả số tiền trên nhưng bà A hẹn lần hẹn lượt không trả. Căn cứ Giấy nhận tiền kiêm vay tiền ngày 28/10/2019, ông T khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền 180.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện này 11/11/2021, ông T khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền 180.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 3%/tháng từ ngày 28/10/2019 đến ngày ông khởi kiện là 23 tháng với số tiền là 124.000.000 đồng. Ngày 17/01/2022, ông T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi, ông T chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị A trả số tiền 180.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Bị đơn bà Trần Thị A:* Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị A đều vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà A. Ngày 17/01/2022, bà Trần Thị A có đơn đề nghị vắng mặt trong tất cả các phiên tố tụng của Tòa án từ hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Bà Trần Thị A không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật. Về quA điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy nhận tiền kiêm vay tiền ngày 28/10/2019 mà ông T cung cấp, trong giấy tờ có đủ chữ ký của bà A và ông T, mặt sau có lời cam kết trả tiền của bà A, do đó có đủ cơ sở xác định ông T có cho bà A vay số tiền 180.000.000 đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bà A trả số tiền 180.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tra hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Ông Trương Văn T khởi kiện bà Trần Thị A yêu cầu bà A trả số tiền 180.000.000 đồng từ hợp đồng vay tiền, bị đơn bà Trần Thị A có nơi cư trú tại ấp 2, xã Tân Trạch, huyện Đ, tỉnh Long A. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long A thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Trương Văn T, bị đơn bà Trần Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa ông Trương Văn T và bà Trần Thị A có thỏa thuận và thực hiện hợp đồng vay tài sản với nhau vào năm 2019, mỗi lần vay số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, những lần vay này có lần viết giấy nợ, có lần không viết giấy nợ. Đến ngày 28/10/2019, ông Trương Văn T và bà Trần Thị A tổng kết lại số tiền bà A còn nợ lại là 180.000.000 đồng và viết giấy nhận kiêm vay tiền cùng ngày, bà A ký nhận và lấn tay bên vay tiền. Ông T trình bày phần mặt trước giấy nhận kiêm vay tiền là ông T viết bà A ký tên, còn mặt sau là do bà A viết cam kết và ký tên. Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa bà A vắng mặt, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà A trong đó Tòa án có giao chứng cứ là Giấy nhận kiêm vay tiền ngày 28/10/2019 cho bà A, sau khi nhận các văn bản bà A không có ý kiến và có đơn xin Tòa án xin vắng mặt với lý do bận công việc. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định là ông Trương Văn T có cho bà Trần Thị A vay số tiền 180.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn nợ là 180.000.000 đồng, trả tiền làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, nên được chấp nhận: Buộc bị đơn Trần Thị A trả cho ông Trương Văn T số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Ngày 17/01/2021, nguyên đơn ông Trương Văn Trí có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi 3%/tháng từ ngày 28/10/2019 đến ngày khởi kiện là 23 tháng với số tiền 124.000.000 đồng. Xét việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất.

[5] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 ;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T. Buộc bà Trần Thị A hoàn trả cho ông Trương Văn T số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi Tệ) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay từ ngày 28/10/2019 đến ngày nộp đơn khởi kiện.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.000.000 đồng (chín Tệ đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm lại vụ án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hải Âu

